

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST.
Ngày: 12 - 03 - 2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Công Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thành và bà Phạm Xuân Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Hoà - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà Lại Thị Thuỳ Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 3 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2024/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2024 về việc “ Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2025/QĐXX-ST ngày 24 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2025/QĐ-ST ngày 13/02/2025, giữa:

*** Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị N, sinh năm 1990; Nơi ĐKKHKT: Thôn D, xã T, huyện K (nay là phường T, thị xã K), tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Số A và 153, đường Đ, quận X, thành phố T, Đài Loan (Trung Quốc); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn để giao nhận tài liệu, văn bản tố tụng của Tòa án: Bà Vũ Thị Phương L - Luật sư Văn phòng L3 thuộc Đoàn luật sư thành phố H; địa chỉ: P Tòa C, khu đô thị X, phường P, quận H, Thành phố Hà Nội; có mặt.

*** Bị đơn:** Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1988; nơi ĐKKHKT: Thôn D, xã T, huyện K (nay là phường T, thị xã K), tỉnh Hà Nam; chỗ ở hiện nay: Số I, ngõ B, đường Z, quận T, thành phố T, Đài Loan (Trung Quốc); vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Bà Trịnh Thị C, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn D, xã T, huyện K (nay là phường T, thị xã K), tỉnh Hà Nam; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Đinh Thị N, bị đơn anh Đỗ Văn T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Chị Đinh Thị N trình bày: Về quan hệ hôn nhân chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K (nay là phường T, thị xã K), tỉnh Hà Nam vào ngày 17/4/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được hai người con chung là cháu Đỗ Thanh T1, sinh ngày 03/3/2009 và cháu Đỗ Văn C1, sinh ngày 15/02/2011. Quá trình chung sống về sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N và anh T bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, bản thân anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Vì vậy, chị N làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xem xét giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N và anh T xác định có hai con chung là cháu Đỗ Thanh T1, sinh ngày 03/3/2009 và cháu Đỗ Văn C1, sinh ngày 15/02/2011. Hiện nay hai cháu đang ở với bà Trịnh Thị C, sinh năm 1959; nơi cư trú: Thôn D, xã T, huyện K (nay là phường T, thị xã K), tỉnh Hà Nam là mẹ đẻ của chị N. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng được nuôi cả hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được, anh T nhất trí.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và vấn đề khác: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 17/02/2025, anh Đỗ Văn T trình bày về thời gian kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng như chị N trình bày là đúng. Nay chị N xin ly hôn anh nhất trí; về con chung anh chị có hai con chung là cháu Đỗ Thanh T1, sinh ngày 03/3/2009 và cháu Đỗ Văn C1, sinh ngày 15/02/2011. Hiện hai cháu đang sống cùng bà Trịnh Thị C (mẹ đẻ của chị N). Khi ly hôn anh T đồng ý giao cháu T1 và cháu C1 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi cả hai có sự

thay đổi, thỏa thuận khác về việc nuôi con chung, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại bản tự khai ngày 18/10/2024, bà Trịnh Thị C trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị N, anh T và chị N lấy nhau có đăng ký kết hôn và sinh được hai người con chung là cháu Đỗ Thanh T1, sinh ngày 03/3/2009 và cháu Đỗ Văn C1, sinh ngày 15/02/2011, hiện cả hai cháu đang ở cùng bà. Nay chị N xin ly hôn với anh T bà đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đối với việc chị N đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu T1 và cháu C1, bà đề nghị Toà án giải quyết theo nguyện vọng của chị N, bà đồng ý nhận nuôi dưỡng, chăm sóc hai cháu trong thời gian chị N không ở Việt Nam. Khi nào chị N về nước, bà sẽ giao cháu T1 và cháu C1 cho chị N chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà cam đoan không cản trở anh Đỗ Văn T thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu T1 và cháu C1.

Quan điểm của cháu Đỗ Thanh T1 và cháu Đỗ Văn C1: Cả hai cháu xác định hai cháu là con của bố T, mẹ N. Nếu bố mẹ ly hôn, cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Trong thời gian mẹ đi làm ăn xa thì các cháu xin được ở cùng bà ngoại.

Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tiến hành công khai tài liệu chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng chị N và anh T vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đều được thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hướng giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 123 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị N và anh Đỗ Văn T. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thanh T1, sinh ngày 03/3/2009 và cháu Đỗ Văn C1, sinh ngày 15/02/2011 cho chị N nuôi dưỡng, chăm sóc kể từ tháng 3/2025 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự lập được, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Án phí chị N và anh T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe Kiểm sát viên phát biểu ý kiến, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị N về ly hôn, tranh chấp nuôi con, do chị N và anh T đang ở nước ngoài nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã tiến hành tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Tại phiên tòa chị N và anh T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh T theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K (nay là phường T, thị xã K), tỉnh Hà Nam vào ngày 17/4/2008. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc và sinh được hai người con chung là cháu Đỗ Thanh T1, sinh ngày 03/3/2009 và cháu Đỗ Văn C1, sinh ngày 15/02/2011. Quá trình chung sống về sau vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do chị N và anh T bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, tình cảm vợ chồng không còn, bản thân anh chị đã sống ly thân từ năm 2023 cho đến nay. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị N yêu cầu Tòa án xử cho ly hôn giữa chị với anh T, anh T nhất trí; việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh T và chị N xác định vợ chồng có hai con chung là Đỗ Thanh T1, sinh ngày 03/3/2009 và cháu Đỗ Văn C1, sinh ngày 15/02/2011, hiện nay cả hai cháu đang ở với bà Trịnh Thị C (bà ngoại). Khi ly hôn, anh chị thống nhất giao hai cháu cho chị Đinh Thị N chăm sóc, nuôi dưỡng; anh T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Do chị N đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan nên chị nhờ bà Trịnh Thị C2 giúp chị tiếp tục nuôi cháu T1 và cháu C1, khi nào chị N về nước bà C có trách nhiệm giao cả hai cháu cho chị N, chăm sóc, nuôi dưỡng. Xét thấy, việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và các vấn đề khác: Vợ chồng anh chị không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét. Những vấn đề ngoài phạm vi yêu cầu khởi kiện của đương sự Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về chi phí tố tụng: Chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đinh Thị N và anh Đỗ Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đinh Thị N với anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Thanh T1, sinh ngày 03/3/2009 và cháu Đỗ Văn C1, sinh ngày 15/02/2011 cho chị Đinh Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và tự lập được, anh Đỗ Văn T không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm giao hai cháu T1 và C1 cho bà Trịnh Thị C trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục các cháu cho đến khi chị Đinh Thị N hết hạn lao động tại Đài Loan trở về Việt Nam bà C có trách nhiệm giao lại hai cháu cho chị N trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng các cháu theo quy định. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về chi phí tố tụng: Chị N phải chịu 200.000 đồng, số tiền này được đối trừ vào số tiền 200.000 đồng chị Đinh Thị N đã nộp theo biên lai số 0000047 ngày 22/4/2024 nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đinh Thị N và anh Đỗ Văn T mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Số tiền chị Đinh Thị N phải chịu 75.000 đồng được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí, số tiền còn lại 225.000 đồng cần trả lại cho chị N theo biên lai số 0000029 ngày 15/3/2024 nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, báo cho anh Đỗ Văn T và chị Đinh Thị N vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Cục THADS tỉnh Hà Nam;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Nam;
- UBND phường Thi Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Công Đoàn

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 13 tháng 11 năm 2019.

Tại trụ sở: UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Chúng tôi gồm có.

* Đại diện Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam:

1. Ông Đinh Tiến H - Thẩm phán, Tòa án tỉnh Hà Nam.
2. Ông Trần Công Đ - Thẩm tra viên, Tòa án tỉnh Hà Nam.

* Đại diện UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam:

- Ông - Phó Chủ tịch UBND xã T.
- Ông - Trưởng Công an xã;
- Ông - Cán bộ tư pháp xã;
- Bà - Chủ tịch Hội phụ nữ xã;
- Bà Trưởng thôn Hiếu Thượng.

Tiến hành lập biên bản làm việc kiện ly hôn, giữa: Chị Nguyễn Thị Đoàn Đ1 và anh Đào Nguyên Duy.

NỘI DUNG

Sau khi đại diện Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nêu rõ nội dung buổi làm việc, chính quyền địa phương xác nhận như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đào Nguyên Duy kết hôn với chị Nguyễn Thị Đoàn Đ1 trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam vào ngày 13/3/2011. Anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn và có được một con chung là cháu Đào Đức N1, sinh ngày 27/3/2012, hiện cháu N1 đang ở với mẹ anh D là bà Nhữ Thị L1. Tháng 01/2013 anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, chị Đ1 ở nhà cùng với mẹ đẻ anh D, do mâu thuẫn với mẹ chồng và chồng nên tháng 9/2013 chị Nguyễn Thị Đoàn Đ1 đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ đó đến nay. Tình cảm vợ chồng

không còn vì anh chị đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Vợ chồng anh chị cố gắng hàn gắn tình cảm tuy nhiên không thành. Nay chị Nguyễn Thị Đoàn Đ1 xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt không thể hàn gắn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, chị mong muốn ly hôn để cả hai có thể tạo dựng cuộc sống mới. Do vậy, chính quyền địa phương đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xem xét giải quyết cho chị Đ1 được ly hôn với anh Đào Nguyên Duy theo nguyện vọng của chị Đ1.

Về con chung: Anh chị có một con chung là cháu Đào Đức N1, sinh ngày 27/3/2012 hiện cháu đang ở với bà nội Nhữ Thị L1; địa chỉ: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Chị Đ1 đồng ý khi ly hôn để anh D nuôi con, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tạm giao cháu Đào Đức N1 cho bà Nhữ Thị L1 nuôi dưỡng đến khi anh Đào Nguyên Duy về nước.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản án phí, lệ phí: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ, anh D không phải nộp.

Biên bản kết thúc vào hồi 15h30' ngày 13 tháng 11 năm 2019 các ông, bà tham gia buổi làm việc đã được đọc lại biên bản và nhất trí ký tên.

Đại diện UBND xã Thanh Hải

Đại diện TAND tỉnh Hà Nam

Đinh Tiến Hùng

Tư pháp xã Thanh Hải

Người ghi biên bản

Công an xã Thanh Hải

Phụ nữ xã Thanh Hải

Trưởng thôn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN
VỀ KIỂM TRA VIỆC GIAO NỘP,
TIẾP CẬN, CÔNG KHAI CHỨNG CỨ**

Hồi 14 giờ 30 phút, ngày 11 tháng 11 năm 2019.

Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Bắt đầu tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2019/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019.

I. Những người tiến hành tổ tụng:

Thẩm phán - Chủ trì phiên họp: Ông Đinh Tiến H.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên họp: Ông Trần Công Đ.

II. Những người tham gia phiên họp:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đoàn Đ1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Đào Nguyên D, sinh năm 1981; Nơi ĐKKHKT: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; hiện đang lao động tại Đài Loan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nhữ Thị L1, sinh năm 1958; nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên họp có mặt chị Đ1 bà Nhữ Thị L1, anh D (vắng mặt).

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU PHIÊN HỌP

- Thư ký Tòa án báo cáo về sự có mặt, vắng mặt của những người tham gia phiên họp đã được Tòa án thông báo.

- Thẩm phán chủ trì phiên họp kiểm tra lại sự có mặt và căn cước của những người tham gia phiên họp.

- Thẩm phán chủ trì phiên họp phổ biến cho các đương sự về quyền và nghĩa vụ của họ.

KIỂM TRA VIỆC GIAO NỘP, TIẾP CẬN, CÔNG KHAI CHỨNG CỨ

1. Thẩm phán công bố toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và Tòa án tiến hành thu thập.

2. Ý kiến của đương sự:

Ý kiến của chị Nguyễn Thị Đoàn Đ1: Về các tài liệu, chứng cứ như chủ tọa phiên họp vừa công bố đều đúng, đầy đủ. Tại phiên họp hôm nay, tôi không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ gì mới và cũng không yêu cầu Tòa án triệu tập người làm chứng hoặc người tham gia tố tụng khác.

THẨM PHÁN XEM XÉT CÁC Ý KIẾN, GIẢI QUYẾT CÁC YÊU CẦU CỦA ĐƯƠNG SỰ VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Đương sự đã được tiếp cận, công khai chứng cứ và không có yêu cầu gì khác.

NHỮNG SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO YÊU CẦU CỦA NHỮNG NGƯỜI THAM GIA PHIÊN HỌP

Chị Nguyễn Thị Đoàn Đ1 không sửa đổi, bổ sung gì.

Việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ kết thúc vào hồi 15 giờ 00 phút, ngày 11 tháng 11 năm 2019.

**ĐƯƠNG SỰ
THAM GIA PHIÊN HỌP**

**THƯ KÝ TÒA ÁN
GHI BIÊN BẢN PHIÊN HỌP**

**THẨM PHÁN
CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP**

Trần Công Đoàn

Đinh Tiến Hùng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN
VỀ VIỆC KHÔNG TIẾN HÀNH HOÀ GIẢI ĐƯỢC**

Hồi 15 giờ 10 phút, ngày 11 tháng 11 năm 2019.

Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Tiến hành hoà giải để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2019/TLST - HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2019.

I. Những người tiến hành tổ tụng:

Thẩm phán - Chủ trì phiên họp: Ông Đinh Tiến H.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên họp: Ông Trần Công Đ.

II. Những người tham gia phiên họp:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đoàn Đ1, sinh năm 1985; Nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Đào Nguyên D, sinh năm 1981; Nơi ĐKKHKT: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam; hiện đang lao động tại Đài Loan.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nhữ Thị L1, sinh năm 1958; nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên họp có mặt chị Đ1 bà Nhữ Thị L1, anh D (vắng mặt).

PHẦN THỦ TỤC BẮT ĐẦU HOÀ GIẢI

Thẩm phán phổ biến cho đương sự về các quy định của pháp luật có liên quan đến việc giải quyết vụ án dân sự để đương sự liên hệ đến quyền, nghĩa vụ của mình, phân tích hậu quả pháp lý của việc hoà giải thành để họ tự nguyện

thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý KIẾN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

* Ý kiến của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: tôi và anh Đào Nguyễn Duy kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam vài ngày 13/3/2011. Chúng tôi chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn và có được một con chung là cháu Đào Đức N1, sinh ngày 27/3/2012, hiện cháu N1 đang ở với mẹ anh D là bà Nhữ Thị L1. Tháng 01/2013 anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, tôi ở nhà cùng với mẹ đẻ anh D, do mâu thuẫn với mẹ chồng và chồng mỗi khi điện thoại về nên tháng 9/2013 tôi đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn vì chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Vợ chồng chúng tôi cố gắng hàn gắn tình cảm tuy nhiên không thành. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt không thể hàn gắn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, tôi mong muốn ly hôn để cả hai có thể tạo dựng cuộc sống mới. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đào Nguyễn Duy.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung là cháu Đào Đức N1, sinh ngày 27/3/2012 hiện cháu đang ở với bà nội Nhữ Thị L1; địa chỉ: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Khi ly tôi đồng ý theo yêu cầu của anh Đào Nguyễn Duy nuôi con, tôi không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con và đề nghị khi Tòa án giao cháu Đào Đức N2 cho bà Nhữ Thị Lại M đẻ của anh Đào Nguyễn Duy nuôi dưỡng cho đến khi anh Đào Nguyễn Duy về nước.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản án phí, lệ phí: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ, anh D không phải nộp.

Tại phiên hòa giải, do bị đơn là Đào Nguyễn D ở xa nên xin được vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nhữ Thị L1 vắng mặt chị Nguyễn Thị Đoàn Đ1 đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải mà đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Xét thấy: Tại phiên hòa giải nguyên đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vì bị đơn vắng mặt tại phiên hòa giải; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt; nguyên đơn đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án lập biên bản về việc không tiến hành phiên họp hòa giải được.

Chị Đ1 đã đọc lại biên bản, không có ý kiến gì và nhất trí ký tên.

Phiên họp kết thúc vào hồi 16 giờ 10 phút, ngày 11 tháng 11 năm 2019.

**ĐƯƠNG SỰ
THAM GIA PHIÊN HỌP**

**THƯ KÝ TÒA ÁN
GHI BIÊN BẢN PHIÊN HỌP**

**THẨM PHÁN
CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP**

Trần Công Đoàn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**Đinh Tiến Hùng
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:17/2019/QĐXXST-HNGĐ

Hà Nam, ngày 12 tháng 11 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
ĐƯA VỤ ÁN RA XÉT XỬ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

Căn cứ vào các điều 48, 203 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình về “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đoàn Đ1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Bị đơn: Anh Đào Nguyên D, sinh năm 1981; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú cuối cùng tại Việt Nam: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Hiện đang sống tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ.

Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Đoàn Đ1, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Thời gian mở phiên toà: 13 giờ 30 phút, ngày 28 tháng 11 năm 2019.

Địa điểm mở phiên toà: Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Vụ án được xét xử công khai.

2. Những người tiến hành tố tụng:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiến H.

Thẩm phán dự khuyết: Ông Phạm Việt H1.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần T2 và ông Hoàng Văn T3.

Hội thẩm nhân dân dự khuyết: Bà Trần Thị M1 và bà Nguyễn Thị Phương Q.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Công Đ - Thẩm tra viên, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Thư ký dự khuyết: Bà Đào Thị Lan A - Thư ký, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết L2 - Kiểm sát viên.

3. Những người tham gia tố tụng khác:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nhữ Thị L1, sinh năm 1958; nơi cư trú: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đinh Tiến Hùng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Về việc vắng mặt tại buổi họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận,
công khai chứng cứ và hòa giải.**

Kính gửi: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Tên tôi là: Hoàng Văn B, sinh năm 1958; nơi cư trú: xóm G, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và cũng là người được anh Hoàng Văn M2 ủy quyền tham gia tố tụng trong vụ án “Hôn nhân và gia đình” sơ thẩm.

Theo quy định của Luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam sẽ

mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng do điều kiện tuổi cao nên tôi không thể tham gia được; quan điểm của tôi nhất trí với bản tự khai của con trai tôi Hoàng Văn M2.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam không tiến hành hòa giải mà xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Xin chân trọng cảm ơn./.

Kim Bảng, ngày.....tháng..... năm 2019

Người làm đơn

Hoàng Văn B

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/TB-TA

Hà Nam, ngày 19 tháng 9 năm 2019

**THÔNG BÁO
VỀ PHIÊN HỌP KIỂM TRA VIỆC GIAO NỘP,
TIẾP CẬN, CÔNG KHAI CHỨNG CỨ VÀ HÒA GIẢI**

Kính gửi:

- **Người khởi kiện:** Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1985; nơi cư trú: xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

- **Người bị kiện:** Anh Hoàng Văn M2, sinh năm 1984; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú cuối cùng tại Việt Nam: Xóm G, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1958; nơi cư trú: xóm G, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào các điều 205, 206, 207, 208 và 209 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 19/2019/TLST- HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019.

Xét thấy vụ án không thuộc trường hợp không được hoà giải hoặc không tiến hành hoà giải được.

Vì các lẽ trên:

1. Thông báo cho các đương sự có tên nêu trên được biết.

Đúng 08 giờ 30 phút, ngày 23 tháng 9 năm 2019.

Có mặt tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ: Số A, đường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

Để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải.

2. Nội dung phiên họp:

a) Kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ.

b) Nội dung các vấn đề cần hoà giải bao gồm: Về quan hệ hôn nhân.

3. Nếu người được thông báo không có mặt đúng thời gian, địa điểm ghi trong thông báo này để tham gia phiên họp, Tòa án sẽ tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

Nguyễn Quốc Trưởng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM

Số: 189/CV-TA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nam, ngày 18 tháng 9 năm 2019

Kính gửi: UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đang giải quyết vụ án “Kiện ly hôn” giữa:

Người khởi kiện: Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1985; nơi cư trú: xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Người bị kiện: Anh Hoàng Văn M2, sinh năm 1984; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú cuối cùng tại Việt Nam: Xóm G, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện đang lao động tại Nhật Bản.

Để có căn cứ giải quyết vụ án, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của các bên đương sự. Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam đặt lịch làm việc với Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam để xác minh, làm rõ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T4 và một số vấn đề khác có liên quan đến yêu cầu khởi kiện.

Thời gian: 09 giờ 00 phút ngày 19 tháng 9 năm 2019.

Địa điểm: Trụ sở Ủy ban nhân dân xã N, huyện K.

Thành phần:

- Đại diện Toà án tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Ủy ban nhân dân xã N.

+ Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch UBND xã N);

+ Trưởng Công an xã;

+ Chủ tịch Hội phụ nữ xã;

+ Cán bộ tư pháp xã;

+ T.

(Thành phần trên đề nghị UBND xã mời).

Vậy, đề nghị UBND xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam bố trí thời gian, địa điểm và mời đúng thành phần để buổi làm việc đạt kết quả tốt.

Rất mong sự phối kết hợp của quý cơ quan để Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam hoàn thành nhiệm vụ./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Quốc Trường

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN LÀM VIỆC

Vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 13 tháng 11 năm 2019.

Tại trụ sở: UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam.

Chúng tôi gồm có.

* Đại diện Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam:

1. Ông Đinh Tiến H - Thẩm phán, Tòa án tỉnh Hà Nam.
2. Ông Trần Công Đ - Thẩm tra viên, Tòa án tỉnh Hà Nam.

* Đại diện UBND xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam:

- Ông - Phó Chủ tịch UBND xã N.
- Ông - Trưởng Công an xã;
- Ông - Cán bộ tư pháp xã;
- Bà - Chủ tịch Hội phụ nữ xã;
- Bà - Bí thư chi bộ, Trưởng thôn P.

Tiến hành lập biên bản làm việc kiện ly hôn, giữa: Chị Nguyễn Thị Đoàn Đ1 và anh Đào Nguyên Duy.

NỘI DUNG

Sau khi đại diện Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam nêu rõ nội dung buổi làm việc, chính quyền địa phương có quan điểm như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Đào Nguyên Duy kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam vài ngày 13/3/2011. Chúng tôi chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn và có được một con chung là cháu Đào Đức N1, sinh ngày 27/3/2012, hiện cháu N1 đang ở với mẹ anh D là bà Nhữ Thị L1. Tháng 01/2013 anh D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, tôi ở nhà cùng với mẹ đẻ anh D, do mâu thuẫn với mẹ chồng và chồng mỗi khi điện thoại về nên tháng 9/2013 tôi đã bỏ về nhà mẹ đẻ từ đó đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn vì chúng tôi đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Vợ chồng chúng tôi cố gắng hàn gắn tình cảm tuy nhiên không thành. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt không thể hàn gắn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, tôi mong muốn ly hôn để cả hai có thể tạo dựng cuộc sống mới. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Đào Nguyên Duy.

Về con chung: Chúng tôi có một con chung là cháu Đào Đức N1, sinh ngày 27/3/2012 hiện cháu đang ở với bà nội Nhữ Thị L1; địa chỉ: thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Hà Nam. Khi ly hôn tôi đồng ý để anh D nuôi con, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tạm giao cháu Đào Đức N1 cho bà Nhữ Thị L1 nuôi dưỡng đến khi anh Đào Nguyên Duy về nước.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về các khoản án phí, lệ phí: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ, anh D không phải nộp.

Biên bản kết thúc vào hồi 15h30' ngày 13 tháng 11 năm 2019 các ông, bà tham gia buổi làm việc đã được đọc lại biên bản và nhất trí ký tên.

Đại diện UBND xã Thanh Hải

Đại diện TAND tỉnh Hà Nam

Đinh Tiến Hùng

Tư pháp xã Thanh Hải

Người ghi biên bản

Công an xã Thanh Hải

Phụ nữ xã Thanh Hải

Trưởng thôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN KHỎI KIỆN

Kính gửi: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Người khởi kiện: Chị Nguyễn Thị T4, sinh năm 1985; nơi cư trú: xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Người bị kiện: Hoàng Văn M2, sinh năm 1984; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú cuối cùng tại Việt Nam: Xóm G, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện đang sống tại Nhật Bản nhưng không rõ địa chỉ.

Tôi xin trình bày với quý tòa một việc như sau:

Chúng tôi kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam vào ngày 02/11/2010. Chúng tôi chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian khoảng hơn 1 tháng anh Hoàng Văn M2 đi thực tập sinh tại Nhật Bản, hết thời hạn 03 năm anh M2 không về nước mà sống bất hợp pháp tại Nhật Bản. Bản thân tôi sinh sống tại nhà chồng được 03 năm sau đó tôi về nhà mẹ đẻ sinh sống. Quá trình anh M2 sống tại Nhật Bản chúng tôi cũng thỉnh thoảng liên hệ với nhau qua điện thoại, tôi nhiều lần xin địa chỉ nơi làm việc và nơi ở của anh M2 tuy nhiên anh M2 không cho tôi địa chỉ. Tôi cũng đã nhiều lần xin địa chỉ của anh M2 qua bố mẹ anh tuy nhiên họ nói không biết địa chỉ của anh M2, bố mẹ anh chỉ liên lạc qua điện thoại khi anh M2 điện về. Do vậy vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là việc anh M2 không về nước, cố tình sống bất hợp tại Nhật Bản. Vợ chồng chúng tôi cố gắng hàn gắn tình cảm tuy nhiên không thành. Nay tôi xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt không thể hàn gắn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được. Vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, tôi mong muốn ly hôn để cả hai có thể tạo dựng cuộc sống mới. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Hoàng Văn M2.

Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết những vấn đề sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết ly hôn giữ tôi Nguyễn Thị T4 với anh Hoàng Văn M2.
2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm tôi Nguyễn Thị T4 tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và nộp thay cho cả anh Hoàng Văn M2.

5. Địa chỉ liên hệ với bố, mẹ chồng tôi là ông Hoàng Văn B và bà Lương Thị X; nơi cư trú: Xóm G, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Danh mục tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn yêu cầu gồm:

- Giấy chứng nhận kết hôn (bản sao).
- Sổ hộ khẩu hộ gia đình chị T4, anh M2 (bản sao).
- Giấy chứng minh nhân dân anh M2 (bản sao).
- Giấy chứng minh nhân dân chị T4 (bản sao).
- Đơn đề nghị xác nhận của UBND xã N.

Tôi cam kết những lời khai trong đơn là đúng sự thật.

Kim Bảng, ngày 16 tháng 7 năm 2019.

Người khởi kiện

Nguyễn Thị T4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN BỐ SUNG THÔNG TIN

Kính gửi: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Tên tôi là: Nguyễn Thị T4, sinh năm 1985; nơi cư trú: xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Chồng tôi là: Hoàng Văn M2, sinh năm 1984; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: xóm G, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Hiện đang sống bất hợp pháp tại Nhật Bản.

Ngày 16/8/2019 tôi đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Hoàng Văn M2, tuy nhiên anh M2 không có địa chỉ vì anh không liên lạc với tôi và chỉ liên lạc với bố, mẹ anh là ông Hoàng V.. và bà ; nơi cư trú: xóm G, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam. Vậy khi cần lấy thông tin xin Tòa án liên hệ với bố mẹ anh M2. Vậy kính mong Tòa án xem xét giúp đỡ tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn./.

Người làm đơn

Nguyễn Thị T4

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

~~Độc lập – Tự do – Hạnh phúc~~

BIÊN BẢN LẤY LỜI KHAI

Vào hồi 8h30' ngày 09 tháng 9 năm 2019.

Tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Tôi là Nguyễn Quốc T5 - Thẩm phán, Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Cùng ông Trần Công Đ - Thư ký ghi biên bản.

NỘI DUNG

Ông Hoàng Văn B, sinh năm 1958; nơi cư trú: xóm G, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam (bố đẻ của anh Hoàng Văn M2) đề nghị Tòa án lập biên bản làm việc liên quan đến vụ án “Kiện ly hôn” giữa chị Nguyễn Thị T4 và anh Hoàng Văn M2.

Do tuổi cao nên việc đi lại khó khăn nay tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tiến hành lập biên bản lấy lời khai đối với tôi.

Ông Hoàng Văn B cho biết gia đình ông đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án số 19/TB - TLVA ngày 05/9/2019 và Giấy triệu tập của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam đến làm việc vào hồi 8h30' ngày 09/9/2019, sau khi nhận được giấy báo của Tòa án tỉnh Hà Nam, ông đã điện thoại cho con trai ông là Hoàng Văn M2, anh M2 đã biết việc chị Nguyễn Thị T4 xin ly hôn với anh, bản thân anh cũng đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị T4. Ông Hoàng Văn B cho biết anh Hoàng Văn M2 đã ủy quyền cho ông nhận các giấy tờ khi Tòa án chuyển đến; do điều kiện xa xôi nên tôi đã nhận ủy quyền của anh Hoàng Văn M2 và cam đoan sẽ thực hiện việc anh M2 ủy quyền theo quy định của pháp luật.

Về việc ly hôn của chị Nguyễn Thị T4 và anh Hoàng Văn M2 tôi xin trình bày như sau: cháu Hoàng Văn M2 và cháu Nguyễn Thị T4 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam vào ngày 02/11/2010. Gia đình hai bên đã tiến hành tổ chức tiệc cưới cho 2 em nó, cuộc sống của các em hạnh phúc. Tuy nhiên do điều kiện khách quan vợ chồng 2 em chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian khoảng hơn 1 tháng thì con trai tôi Hoàng Văn M2 đi thực tập sinh tại Nhật Bản, từ đó đến nay con trai tôi Hoàng Văn M2 chưa về nước lần nào mà sống bất hợp pháp tại Nhật Bản. Quá trình anh M2 sống tại Nhật Bản có liên hệ với gia đình qua điện thoại, cháu nói địa chỉ như sau: 234 - 12, Katsuuri, M - Shi, Tochigi N - 4366. Bản thân ông thấy rằng tình cảm của vợ chồng cháu M2 và chị T4 cũng có mâu thuẫn bởi cháu M2 nhà tôi đã bỏ mặc cháu T4 trong thời gian dài, năm 2013 sau khi chị T4 bỏ về nhà mẹ đẻ thì cháu M2 mới quan có quan hệ với người khác và đã có con, bản thân cháu anh M2 không có mâu thuẫn gì với gia đình bên vợ, trong quá trình sinh sống tại Nhật Bản anh M2 cũng không gửi tiền về cho cháu T4, sau khi cháu T4 về nhà mẹ đẻ cũng thỉnh thoảng đến hỏi thăm gia đình tôi và gia đình cũng biết cháu đi làm công nhân. Sau khi cháu M2 nhà tôi đi được 3 năm không về nước thì cháu Nguyễn Thị T4 cũng đã về nhà mẹ đẻ sống từ đó đến nay; nay cháu T4 xin ly hôn với con trai tôi Hoàng Văn M2, cháu M2 cũng đã đồng ý, vì vậy bản thân tôi và gia đình đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam giải quyết cho các cháu được ly hôn để xây dựng cuộc sống mới.

Về con chung: cháu Hoàng Văn M2 và cháu Nguyễn Thị T4 hiện chưa sinh con, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng, công nợ, ruộng cấy nông nghiệp và các vấn đề khác: vợ chồng các cháu không có yêu cầu nên đề nghị Tòa án không giải quyết.

Những vấn đề liên quan đến việc cháu M2 và cháu T4 xin ly hôn tôi đề nghị Tòa án thông báo cho tôi, tôi sẽ thông báo lại cho con trai tôi là Hoàng Văn M2. Về địa chỉ của anh M2, tôi không biết nên không thể cung cấp cho Tòa án được. Toàn bộ nội dung của buổi làm việc hôm nay tôi về sẽ thông báo lại cho con trai tôi được biết.

Tòa án giải thích cho ông Hoàng Văn B được biết việc ly hôn giữa anh Hoàng Văn M2 và chị Nguyễn Thị T4 thì anh M2 phải trực tiếp giải quyết. Đề nghị ông về thông báo cho anh M2 liên hệ với Tòa án để giải quyết.

Ông Hoàng Văn M2 cam đoan toàn bộ nội dung của buổi làm việc hôm nay, ông sẽ thông báo lại cho anh Hoàng Văn M2 được biết, ngoài ra khi nhận được các lại giấy tờ của Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tôi sẽ thông báo cho con trai tôi được biết.

Biên bản kết thúc vào hồi 09h30' ngày 09 tháng 9 năm 2019, ông Hoàng Văn B đã được đọc lại biên bản và nhất trí ký tên.

Người khai

Thư ký ghi biên bản

Thẩm phán

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN TỰ KHAI

Kính gửi: Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

Vào hồi..... ngày.....tháng.....năm 2019.

Tên tôi là: Hoàng Văn M2, sinh năm 1984; nơi đăng ký nhân khẩu thường trú cuối cùng tại Việt Nam: xóm G, xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ tại Nhật Bản: 234 - 12, K, M - Shi, Tochigi N- 4366.

Số hộ chiếu:.....

Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo thụ lý vụ án số 19/TB – TLVA ngày 05/9/2019 và các Giấy triệu tập về gia đình nhà tôi, các loại giấy tờ trên gia đình tôi đã nhận được, bố tôi là ông Hoàng Văn B đã thông báo cho tôi được biết qua điện thoại. Hiện nay tôi đang sinh sống tại địa chỉ: B - 12, K, M - Shi, Tochigi N- 4366, do điều kiện công việc xa không thể về Việt Nam để giải quyết việc ly hôn của vợ chồng tôi được nên tôi làm bản tự khai này trình bày quan điểm về việc ly hôn giữa tôi với chị Nguyễn Thị T4.

Về quan hệ hôn nhân: tôi Hoàng Văn M2 và chị Nguyễn Thị T4 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N,

huyện K, tỉnh Hà Nam vào ngày 02/11/2010. Chúng tôi chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian khoảng hơn 1 tháng tôi Hoàng Văn M2 đi thực tập sinh tại: 234 - 12, K, M - Shi, Tochigi N- 4366, hết thời hạn tôi không về nước lần nào mà sống bất hợp pháp tại Nhật Bản. Quá trình tôi sống tại Nhật Bản tôi và chị T4 cũng thỉnh thoảng liên hệ với nhau qua điện thoại, tuy nhiên do sinh sống bất hợp pháp nên tôi không liên hệ thường xuyên với chị T4. Do vậy vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là việc tôi không về nước, cố tình sống bất hợp pháp tại Nhật Bản; sau ba năm tôi không về nước thì vợ tôi chị T4 cũng bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống vào cuối năm 2013 từ đó tôi đã bỏ mặc vợ tôi hơn 08 năm nay, bản thân chị T4 không có mâu thuẫn gì đối với gia đình nhà tôi, chỉ có vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng đã bị rạn nứt không thể hàn gắn, mục đích của cuộc hôn nhân không còn. Vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa, nay chị T4 xin ly hôn với tôi, tôi đồng ý được ly hôn với chị T4 để cả hai có thể tạo dựng cuộc sống mới. Do vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xem xét giải quyết cho tôi được ly hôn với chị Nguyễn Thị T4.

Về con chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm tôi đồng ý việc chị Nguyễn Thị T4 tự nguyện nộp toàn bộ lệ phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và nộp thay cho cả tôi Hoàng Văn M2.

Do điều kiện địa lý xa xôi, tôi không thể về nước để giải quyết việc ly hôn giữa tôi và chị Nguyễn Thị T4 được nên tôi đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam tạo điều kiện cho tôi được vắng mặt tại buổi họp công khai chứng cứ và phiên hòa giải; vắng mặt tại phiên tòa xét xử, sau khi xét xử có bản án xin Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam gửi cho tôi thông qua bố tôi ông Hoàng Văn B.

Tôi xin ủy quyền cho bố đẻ tôi là ông Hoàng Văn B; nơi cư trú: xóm G xã N, huyện K, tỉnh Hà Nam được nhận các loại giấy tờ do Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam chuyển đến cho tôi. Bản thân tôi xin xác nhận là đã nhận được các giấy tờ do Tòa án chuyển đến thông qua bố đẻ tôi.

Tôi xin chân thành cảm ơn.

Nhật Bản, ngày.... tháng... năm 2019

Người khai

